

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tình hình thực hiện năm 2022; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023 về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2022

1. Tổng quan việc thực hiện các chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao

Trong năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã rất quyết liệt, nhạy bén, kịp thời trong chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, nhờ đó cơ bản giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp phục hồi và phát triển, tạo ra nhiều công ăn, việc làm; thị trường lao động phục hồi tích cực, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi thấp hơn nhiều so với năm 2021; cơ bản các khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu vực kinh tế trọng điểm đã duy trì được lực lượng lao động ổn định, không để xảy ra đứt gãy chuỗi cung ứng lao động; lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt cao; tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp đạt kết quả tốt sau thời gian trở lại học trực tiếp... Cùng với đó, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả, nhất là các chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi COVID-19, chính sách ưu đãi người có công, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội, giảm nghèo...; đời sống người có công với cách mạng, người nghèo không ngừng được nâng lên, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác được chăm lo chu đáo. Các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, đem lại hiệu quả rất lớn, thiết thực cho người dân. *Qua đó, góp phần thực hiện mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.*

Ước thực hiện năm 2022 hoàn thành các chỉ tiêu Quốc hội, chính phủ giao, gồm:

- Có 03/03 chỉ tiêu Quốc hội giao tại Nghị quyết số 32/2021/QH15 đạt mục tiêu đề ra: (i) Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị là **2,79%**; (ii) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng **67%** và (iii) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng **1,2%**.

- Có 03/03 chỉ tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP đạt và vượt mục tiêu đề ra: Đưa **trên 142 nghìn** người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 158% kế hoạch; Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia BHXH đạt khoảng **38%**, tham gia BHTN đạt khoảng **31,1%**.

2. Kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2022 theo nhiệm vụ cụ thể

2.1. Về thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Đại dịch COVID-19, trong 03 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2022), thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho trên 68,43 triệu lượt người lao động, người dân và trên 1,41 triệu lượt người sử dụng lao động với tổng kinh phí gần 104,5 nghìn tỷ đồng thông qua hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc qua các chính sách trực tiếp và gián tiếp. Trong đó, thực hiện các chính sách theo Nghị quyết 68 của Chính phủ trên 45 nghìn tỷ đồng, Nghị quyết số 03 và Nghị quyết số 24 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là hơn 41 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08 của Thủ tướng Chính phủ trên 3,7 nghìn tỷ đồng.

2.2. Về kết quả thực hiện theo từng lĩnh vực

(1) Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, tong năm đã trình 10 đề án, bao gồm: 01 hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi), 04 Nghị định, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; ban hành theo thẩm quyền 20 thông tư. Công tác kiểm tra quy phạm pháp luật cũng được tập trung thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm.

(2). Thị trường lao động chứng kiến đà phục hồi nhanh, mạnh mẽ, thu nhập bình quân của người lao động liên tục tăng, được cải thiện từ quý I đến quý III năm 2022. Các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, tổ chức các sàn giao dịch việc làm, các phiên giao dịch việc làm, hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động được tăng cường, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phục hồi và phát triển kinh tế. Tăng cường. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động; tổ chức các sàn giao dịch việc làm, các phiên giao dịch việc làm, hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ xảy ra ở một số ngành, địa phương. Lực lượng lao động, số người đang làm việc, thu nhập bình quân tháng tăng so với năm trước. Công tác giải quyết việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được chính quyền các địa phương quan tâm. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2022 là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với năm 2021.

Tuy nhiên, từ đầu quý IV đến nay, một số ngành, lĩnh vực xuất hiện những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, duy trì việc làm cho người lao động, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, chế biến gỗ... Để kịp thời ổn định tình hình, Bộ LĐTBXH đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 1170/CD-TTg ngày 16/12/2022 về các biện pháp ổn định, phát

triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, bền vững và chăm lo đời sống người lao động.

Thị trường lao động ngoài nước tiếp tục được ổn định và mở rộng, đặc biệt là các thị trường có mức thu nhập và điều kiện lao động tốt; công tác đào tạo nghề, giáo dục định hướng, nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài được tăng cường. Trong năm đã đưa 142.779 lao động đi làm việc ở nước ngoài (trong đó 48.835 lao động nữ), vượt mục tiêu đề ra.

(3) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương, trong đó tập trung sửa đổi Luật BHXH. Đẩy mạnh tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 38%; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt khoảng 31,1%. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam được chú trọng.

(4) Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện khâu đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đông các khu công nghiệp, khu chế xuất để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho phục hồi kinh tế, bảo đảm thích ứng với điều kiện sản xuất mới được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động. Kỹ năng nghề của người lao động được tăng cường, có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện

Ước thực hiện tuyển sinh trên 2.259 nghìn người, đạt 108,3% so với kế hoạch; số học sinh, sinh viên tốt nghiệp khoảng 2.096 nghìn người, đạt 115% so với kế hoạch.

(5) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách trợ cấp thường xuyên cho gần 1,2 triệu người người có công với cách mạng, kinh phí trên 29 nghìn tỷ đồng. Điều dưỡng cho trên 500 nghìn lượt người có công. Các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày thương binh, liệt sỹ được tổ chức chu đáo, trang trọng, ý nghĩa. Tổ chức tặng quà của Chủ tịch nước về cho đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ với kinh phí hơn 835 tỷ đồng. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình ghi công liệt sỹ, mộ liệt sỹ”.

(6) Các chính sách, chương trình giảm nghèo được thực hiện khá toàn diện và tương đối đầy đủ, đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nâng cao, an sinh xã hội luôn được đảm bảo. Ngân sách trung ương bố trí năm 2022 là 8.620 tỷ đồng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và khoảng 23 nghìn tỷ đồng thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung

như: hỗ trợ bảo hiểm y tế; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền điện, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm; hỗ trợ nhà ở, nước sạch và vệ sinh; giảm nghèo về thông tin. Ước thực hiện năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng 1,2% so với đầu kỳ (cuối năm 2021); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3% và tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5%.

(7) Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng và nâng dần mức trợ cấp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Chi trả trợ cấp thường xuyên hàng tháng cho trên 3,3 triệu đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí khoảng 28 nghìn tỷ đồng; 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói. Quan tâm chăm sóc, phát huy vai trò của người cao tuổi, trợ giúp, phục hồi chức năng cho người khuyết tật. Trợ giúp đột xuất kịp thời, không để người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh mà không được trợ giúp.

(8) Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh; xây dựng môi trường sống an toàn để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Triển khai nhiều giải pháp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trước tác động của đại dịch COVID-19. Tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em. Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Ước thực hiện năm 2022, có 57% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em giảm còn 6,8%.

(9) Công tác bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Khoảng cách giới trong các lĩnh vực nói chung tiếp tục được rút ngắn và được quốc tế ghi nhận. Bình đẳng giới ngày càng thực chất hơn, vai trò và địa vị của phụ nữ được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Tính đến tháng 12/2022, có 15/30 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ; chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2022 là 83/146 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2021.

(10) Tập trung triển khai công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, tư vấn, hướng nghiệp, học nghề và giới thiệu việc làm cho học viên cai nghiện ma túy. Triển khai Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán trở về. Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy khoảng 74%; tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy chiếm 25% tổng số người nghiện được cai nghiện; 100% người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp; 100% các trường

hợp nạn nhân bị buôn bán đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

(11) Các lĩnh vực khác đều được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt. Hợp tác quốc tế chú trọng vào phát triển cả theo chiều rộng và chiều sâu với các đối tác truyền thống và chủ động nghiên cứu và mở rộng quan hệ với các đối tác tiềm năng trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Tổ chức bộ máy tiếp tục được kiện toàn, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao, phát huy vai trò tích cực trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội; hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra được nâng cao; cải cách hành chính, chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh; Công tác tổng hợp, văn phòng, kế hoạch - tài chính ngày càng đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả hơn. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thông tin, báo chí, nghiên cứu khoa học, các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng đã có chuyển biến tích cực.

3. Khó khăn, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong năm 2022 vẫn còn những khó khăn, tồn tại, hạn chế như: Thị trường lao động Việt Nam vẫn là một thị trường dư thừa lao động và phát triển không đồng đều, tỷ lệ thất nghiệp chung thấp nhưng tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên vẫn còn khá cao; cung lao động còn nhiều bất cập, hạn chế; còn xảy ra tình trạng mất cân đối cung - cầu cục bộ ở một số địa phương, khu vực, ngành nghề. Chất lượng việc làm thấp, tỷ lệ lao động ở khu vực phi chính thức lớn. Trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động mặc dù được cải thiện trong thời gian qua, song vẫn còn thấp so với yêu cầu của thị trường lao động. Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo của một số cơ sở GDNN gặp khó khăn, nhất là tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và tuyển sinh đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu sinh kế, việc làm, thu nhập thấp, không ổn định; thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, vệ sinh, thông tin; thiếu kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, khó tiếp cận việc làm; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 ở một số địa phương còn chậm. Mức trợ cấp xã hội tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mức sống tối thiểu của người dân. Đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, xu thế đô thị hoá, già hóa dân số, chênh lệch về thu nhập và mức sống, tình trạng di cư lao động đặt ra những thách thức rất lớn đối với công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Vẫn còn xảy ra những vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, gây bức xúc trong dư luận xã hội; còn nhiều trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em có xu hướng gia tăng. Tệ nạn xã hội diễn ra dưới các hình thức tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan cần được nhìn nhận một cách thấu đáo, nghiêm túc để có giải pháp phù hợp nhằm khắc phục triệt để trong thời gian tới.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả thực hiện năm 2022 có thể rút ra những bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, phải luôn quán triệt, thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm chắc tình hình, nhất là những diễn biến mới, nâng cao năng lực phân tích, dự báo; không ngừng nỗ lực, kiên trì, quyết liệt, thích ứng linh hoạt và đảm bảo hiệu quả trong điều hành nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra, tổ chức thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

Hai là, công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về lao động, người có công và xã hội phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, gắn chặt với sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các chính sách mới theo hướng gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; coi con người là trung tâm của quá trình phát triển, đảm bảo chính sách xã hội phải được xây dựng và thực hiện hài hòa, đồng bộ với phát triển kinh tế.

Ba là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng tầm trong việc xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

Bốn là, phải luôn sâu sát, cụ thể đến từng khâu, từng công đoạn, từng địa bàn, từng đối tượng; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng. Kịp thời tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành ở địa phương, nhất là những vướng mắc liên quan đến thể chế, cơ chế, chính sách.

Năm là, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật. Chủ động cung cấp thông tin chính thức, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch về các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước để nhân dân hiểu và chia sẻ; tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tham gia đối thoại làm rõ chính sách, tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

Sáu là, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phải phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên; làm tốt công tác dân vận, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, các tổ chức đoàn thể ở các cấp địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Phương châm hành động và quan điểm, trọng tâm chỉ đạo, điều hành năm 2023

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội nhằm góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; tiếp tục thực hiện phương châm hành động **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển”**, yêu cầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung, quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu với **6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo, điều hành** sau:

(1). Bám sát Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trong các Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ của ngành.

(2) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

(3). Ổn định và phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững hiệu quả và hội nhập, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

(4). Phát triển giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động.

(5). Tiếp tục hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, “tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy thị trường lao động phát triển theo hướng hiện đại, đầy đủ, phù hợp với các cam kết quốc tế, vận hành linh hoạt nhằm kết nối cung - cầu lao động, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Tiếp tục đổi mới, chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã

hội. Kiện toán tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể:

a) Chỉ tiêu Quốc hội giao:

(1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ khoảng 27,5%.

(2) Tỷ lệ thất nghiệp của LLLĐ trong độ tuổi khu vực thành thị dưới 4%.

(3) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ 1-1,5%.

b) Chỉ tiêu Chính phủ giao

(1) Đưa khoảng 110 - 120 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

(2). Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH khoảng 39-40%.

(3) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN khoảng 31,5-32%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

(1) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội đảm bảo hiệu quả, hiệu lực, góp phần hoàn thiện thể chế chung, đóng góp tích cực cho phát triển KTXH của đất nước.

(2). Triển khai thực hiện Nghị quyết số 6/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội. Thực hiện các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động bảo đảm hiện đại, linh hoạt, bền vững và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, kịp thời ứng phó với các thách thức của kinh tế trong và ngoài nước; tăng cường kết nối và điều tiết cung - cầu lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích tạo việc làm trong cả khu vực công và khu vực tư, kích thích người lao động tìm kiếm việc làm và chuyển đổi việc làm phù hợp với năng lực và sở trường. Nâng xếp hạng chỉ số tuyển dụng lao động thâm dụng tri thức lên ít nhất 05 bậc.

Rà soát, tổ chức nắm bắt về tình hình nhu cầu tuyển dụng, tình hình cắt giảm sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI, các ngành sử dụng nhiều lao động (may mặc, giày da, sản xuất gỗ,...) để có phương án kết nối cung - cầu lao động, kết nối người lao động với người sử dụng lao động có nhu cầu; tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, ưu tiên các phiên giao dịch việc làm trực tuyến, hỗ trợ người lao động khi tham gia giao dịch việc làm (chi phí đi lại, thông tin tuyên truyền,...).

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới. Duy trì ổn định thị trường lao động ngoài nước hiện có, phát triển, mở rộng thị trường có thu nhập

cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam; tăng cường công tác tạo nguồn, nâng cao chất lượng nguồn lao động và bảo vệ quyền lợi của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

(3) Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tổ chức thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người lao động bị mất việc làm bù đắp được chi phí tiền lương, ổn định cuộc sống; đồng thời kịp thời hỗ trợ tư vấn, bồi dưỡng kỹ năng nghề, giới thiệu người lao động tìm kiếm việc làm mới. Tổ chức theo dõi, tuyên truyền để đảm bảo quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tránh các cuộc đình công, khiếu kiện...

(4). Phát triển giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động; nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng đào tạo nghề (B6) lên ít nhất 05 bậc. Tập trung cho công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đông các khu công nghiệp, khu chế xuất để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho phục hồi và phát triển kinh tế; thúc đẩy mạnh mẽ đào tạo lao động có trình độ tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trên các lĩnh vực và chuẩn bị sẵn sàng cho xu thế chuyển dịch đầu tư, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và hội nhập quốc tế.

(5) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Mở rộng chi trả trợ cấp người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng luân phiên người có công với cách mạng; thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

(6) Tiếp tục hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Đẩy mạnh thực hiện chi trả không dùng tiền mặt các chế độ an sinh xã hội qua dịch vụ bưu chính công ích (bao gồm lương hưu, các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...).

(7) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bảo đảm trẻ em được phát triển toàn diện. Thực hiện hiệu quả

chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em; giảm thiểu tai nạn, thương tích trẻ em và các chính sách khác có liên quan đến trẻ em.

(8) Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030, Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp.

(9) Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, chương trình, đề án về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; phòng, chống mại dâm và hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người. Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.

(10) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

(11) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động và xã hội phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bối cảnh quốc tế mới. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội.

(12) Tăng cường năng lực, chủ động phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình lao động, việc làm, các vấn đề an sinh xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân về chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI